

PHỤ LỤC 2
Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024
(Kèm theo Quyết định số 206/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 01 năm 2024)

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
	I. CHÍNH QUYỀN SỐ				
1.	Duy trì tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo quy định	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
2.	Duy trì tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (máy tính, điện thoại, máy tính bảng, ...)	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
3.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
4.	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
5.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
6.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	>90%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
7.	Tỷ lệ dịch vụ công mới của cơ quan Nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài Nhà nước	40%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
8.	Tỷ lệ cổng dịch vụ công hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan Nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số	90%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
9.	Tỷ lệ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan Nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất	10%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
10.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
11.	Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước) tại cấp tỉnh	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh,	Văn phòng UBND tỉnh	
12.	Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước) tại cấp huyện	100%	UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	
13.	Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước) tại cấp xã	100%	UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
14.	Tỷ lệ hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
15.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số theo quy định	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
16.	Tỷ lệ chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ đồng thời đảm bảo thực hiện kết nối đồng bộ và liên tục phục vụ chia sẻ dữ liệu với kho dữ liệu của tỉnh	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
17.	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện thông qua hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
18.	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
19.	Tỷ lệ công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc	60%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
20.	Tỷ lệ nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch,... được thực hiện trực tuyến	10%	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
21.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	>70%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
22.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	>50%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
23.	Tỷ lệ các cơ quan khối chính quyền, đảng, đoàn thể, các cơ quan trung ương trên địa bàn đảm bảo kết nối hệ thống mạng với Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh theo đúng quy định	100%	Các cơ quan đảng, đoàn thể, Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
24.	Tỷ lệ mạng lưới, hệ thống thông tin ứng dụng trong cơ quan Nhà nước được chuyển đổi địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6)	85%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
25.	Tỷ lệ hệ thống thông tin các cơ quan Nhà nước và các đơn vị tham gia mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối, giám sát từ hệ thống điều hành, an toàn, an ninh mạng của tỉnh (SOC)	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
26.	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước có tham gia khai thác nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	50%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
27.	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
28.	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	10%	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
29.	Năm 2023, chọn thí điểm tối thiểu 01 sở, ngành và tối thiểu 01 UBND cấp xã. Đến năm 2025, có 50% đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện chuyển đổi số	25% đơn vị, trong đó: + cấp tỉnh: Sở Văn hóa, TT&DL, Sở Công Thương,	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
		Sở NN& PTNT, Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT + cấp huyện: UBND tp Vĩnh Long, UBND tx Bình Minh + cấp xã: mỗi huyện, thị xã, thành phố chọn 25% đơn vị			
30.	Tỷ lệ triển khai thí điểm, thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và đảm bảo an toàn thông tin cá nhân	50% đơn vị, trong đó: + cấp tỉnh: Sở Văn hóa, TT&DL, Sở Công Thương, Sở NN& PTNT, Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và MT, Sở Y tế, Sở KHCHN + cấp huyện: UBND tp Vĩnh Long, UBND tx Bình Minh, UBND huyện Long Hồ, UBND huyện Bình Tân + cấp xã: mỗi huyện, thị xã, thành phố chọn 50% đơn vị cấp xã	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
31.	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước và lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước hàng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số	80%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Sở Thông tin và Truyền thông	
32.	Tỷ lệ số người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu	50%	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, Sở TT&TT	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
33.	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn trên địa bàn với đội ngũ thành viên được thường xuyên đào tạo, cập nhật kiến thức, kỹ năng làm nòng cốt cho tiến trình Chuyển đổi số trong các ngành, các cấp	100%	UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	
34.	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách Chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số và được đánh giá kết quả đào tạo	100%	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
35.	Đào tạo được tối thiểu 02 chuyên gia chuyển đổi số của tỉnh để trở thành lực lượng nòng cốt dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình chuyển đổi số của tỉnh	02 chuyên gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
36.	Tỷ lệ người dân được tiếp cận với dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh.	70%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
37.	Triển khai mô hình thí điểm truy xuất nguồn gốc các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh Vĩnh Long	Tiếp tục triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
38.	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trang thông tin điện tử của UBND cấp xã để phổ biến thông tin thiết yếu và tương tác với người dân	100%	UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	
39.	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có bảng tin điện tử công cộng để phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân	10% đơn vị gồm: + tp Vĩnh Long: 4 phường + Bình Minh: 1 xã + Bình Tân: 1 xã + Long Hồ: 1 xã + Tam Bình: 1 xã + Mang Thít: 1 xã + Trà Ôn: 1 xã + Vũng Liêm: 1 xã	UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	
40.	Tỷ lệ huyện, thị xã, thành phố có cơ sở truyền thông cấp huyện chuyển sang mô hình sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện.	20% đơn vị gồm: UBND tp Vĩnh Long, UBND huyện Tam Bình	UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
41.	Tỷ lệ trả lời kịp thời ý kiến phản ánh của người dân về hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật ở cơ sở được tiếp nhận trên ứng dụng thiết bị di động thông minh, Cổng thông tin điện tử của tỉnh	>90%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	
42.	Tỷ lệ đài truyền thanh cấp xã có dây/không dây FM chuyển đổi sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	mỗi huyện, tx, tp chọn 70% đơn vị cấp xã	UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	
43.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã sử dụng phổ biến công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) kết hợp với công nghệ xử lý dữ liệu lớn (Big Data) trong sản xuất nội dung chương trình phát thanh; chuyển đổi nội dung văn bản sang giọng nói; chuyển ngữ nội dung phát thanh tiếng Việt sang tiếng các dân tộc thiểu số	mỗi huyện, tx, tp chọn 30% đơn vị cấp xã	UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và công nghệ, UBND cấp huyện	
44.	Tỷ lệ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp huyện và cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm	90%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
45.	Tỷ lệ cơ quan quản lý giáo dục cấp tỉnh, cơ sở giáo dục có cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan quản lý giáo dục cấp tỉnh, cơ sở giáo dục	
46.	Tỷ lệ cuộc họp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục và đào tạo được áp dụng hình thức trực tuyến	50%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành tỉnh, cơ sở giáo dục và đào tạo	
47.	Tỷ lệ lớp bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được thực hiện qua mạng theo phương thức học tập kết hợp (blended learning)	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan quản lý giáo dục cấp tỉnh, cơ sở giáo dục, trường học	
48.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn tỉnh	
49.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng sổ quản lý điện tử	20%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn tỉnh	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
50.	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã.	100%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	
51.	Tỷ lệ hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh liên quan đến người dân, doanh nghiệp đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp được số hóa và lưu trữ tại các kho dữ liệu mở của tỉnh (dữ liệu lớn, big data), cơ sở dữ liệu quốc gia mà không phải cung cấp lại.	40%	Sở, ban, ngành	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện, cấp xã	
52.	Tỷ lệ các thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được định danh, xác thực điện tử hoặc xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	
53.	Tỷ lệ hồ sơ về dân cư được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	100%	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	
54.	Tỷ lệ mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	100%	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	
55.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp Căn cước công dân	>90%	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	
56.	Tỷ lệ thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến dân cư được cắt giảm, đơn giản hóa so với thời điểm triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	100%	Công an tỉnh	Các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	
57.	Tỷ lệ hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	100%	Các Sở, ban, ngành tỉnh	Công an tỉnh	
58.	Tỷ lệ hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	100%	UBND cấp huyện	Công an tỉnh	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
59.	Tỷ lệ hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	100%	UBND cấp xã	Công an tỉnh	
60.	Tỷ lệ các sở, ngành và huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin khi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động	90%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
61.	Tuyên truyền, phổ biến về các nguy cơ mất an toàn thông tin và các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng cho người dân, doanh nghiệp.	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, các cơ quan báo chí	
62.	Tuyên truyền, phổ biến về các nguy cơ mất an toàn thông tin và các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng sinh viên trên địa bàn tỉnh.	80%	Trường đại học, cao đẳng		
63.	Tỷ lệ các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh thực hiện tuyên truyền, phổ biến nguy cơ, quy trình điều phối ứng cứu, xử lý sự cố mất an toàn thông tin	100%	Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh		
64.	Tỷ lệ người đứng đầu các cơ quan, tổ chức nhà nước trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan	100%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã		
65.	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức được tuyên truyền về các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin trong nước sản xuất, cung cấp	100%	Các đơn vị cung cấp sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin trong nước	các cơ quan báo chí, Sở Thông tin và Truyền thông	
66.	Tỷ lệ Công/trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành tỉnh và cấp huyện được tích hợp, kết nối lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện	
67.	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
68.	Chuẩn hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Các doanh nghiệp liên quan	
69.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số, chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mới, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	
70.	Tham mưu xây dựng và chuyển giao các mô hình kinh doanh mới, mô hình mẫu về chuyển đổi số, kinh tế số	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, các doanh nghiệp	
71.	Xây dựng các doanh nghiệp chuyển đổi số điển hình, các mô hình mẫu, ứng dụng mẫu chuyển đổi số phù hợp đặc trưng của tỉnh	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, các doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông	
72.	Thúc đẩy các doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp hạt nhân đầu tư nghiên cứu, xây dựng các nền tảng số chuyên ngành, hỗ trợ chuyển giao cho các đối tác cùng ứng dụng, kết nối, chia sẻ, dẫn dắt chuyển đổi số chuỗi cung ứng, đưa chuỗi ngành nghề lên tầm cao mới	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, các doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông	
73.	Phối hợp đa ngành giữa doanh nghiệp đầu ngành, doanh nghiệp nền tảng, doanh nghiệp công nghệ tài chính để thiết lập nền tảng chuyển đổi số, kiến tạo hệ sinh thái mới	Thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, các doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông	
74.	Đảm bảo an toàn thông tin mạng ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số của tỉnh	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
75.	Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp	Thường xuyên	Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; Sở Thông tin và Truyền thông	
76.	Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyên đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, trong đó đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định, hoạch định chính sách và bảo đảm an toàn thông tin mạng	Thường xuyên	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	
77.	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đến từng ấp, khóm với nòng cốt là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, có sự tham gia của Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương	Thường xuyên	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành tỉnh; Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã, Hội Liên hiệp Phụ nữ và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	
	II. KINH TẾ SỐ				
78.	Tỷ lệ kinh tế số trong GRDP	5%	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
79.	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu (những lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến...)	5%	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
80.	Tỷ lệ sản phẩm OCOP được đưa trên các sàn thương mại điện tử nội địa	100%	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	
81.	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số	50%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
82.	Số lượng sản phẩm, hàng hóa ứng dụng các công nghệ số truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của tỉnh	>35 sản phẩm	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
83.	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh; dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số	80%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh	
84.	Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh; dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số	80%	UBND cấp huyện	Các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh	
85.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cập nhật thông tin, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số	15%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh	
86.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được trải nghiệm các nền tảng số để chuyển đổi số doanh nghiệp	>10%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh	
87.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh ứng dụng các hình thức thương mại điện tử	5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh	
88.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa có website để quảng bá thương hiệu, sản phẩm	5%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh	
89.	Tỷ lệ cơ quan xúc tiến thương mại được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số và 30% trong số này phát sinh giao dịch và chia sẻ thông tin	100%	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
90.	Số lượng cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số	50	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	
91.	Tỷ lệ cơ quan xúc tiến thương mại, cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số phát sinh giao dịch và chia sẻ thông tin	10%	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	
92.	Hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở kết nối thị trường được tổ chức kết nối trên nền tảng kết nối	>370	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	
93.	Tỷ lệ số lượng hội chợ, triển lãm của tỉnh được tổ chức trên môi trường số	10%	Sở Công Thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	
94.	Thúc đẩy người dân sử dụng phương thức thanh toán điện tử ở các dịch vụ như: thanh toán tiền điện, nước, học phí, Internet, y tế ...	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	
95.	Tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến	20%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông	
96.	Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử; trong đó, có số thanh toán thực hiện qua các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	20% 40%	NHNNVN CN Vĩnh Long; các ngân hàng thương mại trên địa bàn	Sở Công Thương	
97.	Tỷ lệ các giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử	30%	Cục Thuế tỉnh		
98.	Tỷ lệ số xã và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến.	30%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Công Thương	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
99.	Tỷ lệ giao dịch trên Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương	20%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Công Thương	
100.	Phần đầu thu hút cá nhân, cơ sở, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tham gia Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương	300 cá nhân, cơ sở, doanh nghiệp; 600 sản phẩm; 100 giao dịch	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Sở Công Thương	
101.	Tỷ lệ website thương mại điện tử có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến	50%	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông	
102.	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, bao gồm mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch thương mại điện tử	30%	Các doanh nghiệp	Sở Công Thương	
103.	Số lượng doanh nghiệp công nghệ số trong tất cả các ngành, nghề, mọi lĩnh vực.	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp công nghệ số	
104.	Triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực tăng mức độ chuyển đổi số	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; Sở NN&PNTN	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông	
105.	Triển khai các Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở NN&PNTN	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, các doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông,	
106.	Hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp, cơ sở bán lẻ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã phát triển, sử dụng nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa Chuỗi cung ứng, nền tảng Thương mại số nông nghiệp, nền tảng Trí tuệ nhân tạo, nền tảng Trợ lý ảo, nền tảng thiết bị IoT của Việt Nam	Thường xuyên	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công Thương; Sở NN&PNTN	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
107.	Tuyên truyền hoạt động thương mại điện tử của tỉnh, các chính sách hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, quảng bá các Sàn thương mại điện tử trong tỉnh đặc biệt là Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành công thương Vĩnh Long, (https://trade.vinhlong.gov.vn), các Sàn giao dịch nông sản Vĩnh Long (http://www.nsvl.com.vn), các Sàn thương mại điện tử Postmart, Voso,... trên các phương tiện truyền thông, Đài phát thanh, Sóng truyền hình, Báo Vĩnh Long,..	Thường xuyên	Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Long; Báo Vĩnh Long	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện	
108.	Vận động các tổ chức cá nhân tham gia vào hoạt động thương mại điện tử, các chương trình chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Sở Công Thương	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp huyện; Tỉnh đoàn Vĩnh Long; Hội Nông dân tỉnh; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh	
109.	Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và ngoài nước trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh phù hợp với nội dung Chiến lược	Thường xuyên	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các doanh nghiệp	
III. XÃ HỘI SỐ					
110.	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang	100%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
111.	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng	84%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
	Tỷ lệ đơn vị cấp xã được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang	100%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
112.	Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 4G/5G	100%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
113.	Tỷ lệ dân số sử dụng điện thoại thông minh	90%	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	
114.	Tỷ lệ dân số của tỉnh có tài khoản thanh toán điện tử	30%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp	
115.	Tỷ lệ người dân có danh tính số kèm theo QR code, tiến tới mỗi người đều có điện thoại thông minh	80%	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
116.	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân.	>80%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ sở khám chữa bệnh	
117.	Tỷ lệ trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số.	100%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	
118.	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế.	50%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	
119.	Tỷ lệ các cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế xã, phường, thị trấn có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa	50%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	
120.	Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh	80%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	
121.	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số	100% (hộ gia đình xã nông thôn mới nâng cao)	UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các doanh nghiệp viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
122.	Tăng tỷ lệ người dân ở độ tuổi lao động có khả năng tiếp cận cơ hội việc làm, tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho người dân	Tiếp tục đề ra giải pháp thực hiện	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
123.	Tỷ lệ người dân các xã, phường, thị trấn có thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt	>75%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	
124.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông	
125.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học	50%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường phổ thông trên địa bàn tỉnh	
126.	Tỷ lệ học sinh phổ thông có hồ sơ số về việc học tập trên địa bàn tỉnh	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường phổ thông trên địa bàn tỉnh	
127.	Tỷ lệ trường phổ thông triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số, triển khai học liệu số	60%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường phổ thông trên địa bàn tỉnh	
128.	Thanh toán học phí trong trường phổ thông không dùng tiền mặt	>80%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường phổ thông trên địa bàn tỉnh	
129.	Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại điện tử trên các ứng dụng di động	10%	Các doanh nghiệp	Sở Công Thương	
130.	Tỷ lệ các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông triển khai hợp đồng điện tử với người tiêu dùng	30%	Các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông	Các doanh nghiệp	
131.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp triển khai đào tạo về thương mại điện tử	>30%	Các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	Sở, ban, ngành	
132.	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cán bộ quản lý nhà nước, sinh viên, người dân được tham gia lớp tuyên truyền, tập huấn, các khóa đào tạo về thương mại điện tử.	800 lượt	Sở Công Thương		

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
133.	Tỷ lệ thư viện trường Trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn tỉnh có trang thông tin điện tử có khả năng cung cấp dịch vụ trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập (trừ các dịch vụ thuộc phạm vi bí mật nhà nước và dịch vụ độc hạn chế).	15%	Các trường Trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và đào tạo	
134.	Tỷ lệ tài liệu cổ, quý hiếm và bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học do Thư viện tỉnh thu thập và quản lý được số hóa	30%	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ	
135.	Tỷ lệ các trường được tuyên truyền, phổ biến về các nguy cơ và kỹ năng cần thiết để tương tác lành mạnh, an toàn trên không gian mạng	60%	Các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh, các trường đại học, cao đẳng	Sở Giáo dục và Đào tạo	
136.	Tỷ lệ các trường được tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn khả năng đọc tin, tư duy phê phán, phản biện về các thông tin sai lệch trên mạng	>60%	Các trường đại học, cao đẳng	Sở Giáo dục và Đào tạo	
137.	Tuyên truyền, phổ biến về các nguy cơ mất an toàn thông tin và các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng sinh viên trên địa bàn tỉnh.	80%	Các trường đại học, cao đẳng	Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan báo chí	
138.	Tổ chức triển khai Chương trình “Học từ làm việc thực tế”, trong đó cơ quan Nhà nước là cầu nối giữa các trường Đại học, Cao đẳng, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp để xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực theo yêu cầu thực tế và đặt hàng của doanh nghiệp	Thường xuyên	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Các trường đại học, cao đẳng	
139.	Tổ chức các chương trình thực tập ngắn hạn, thường xuyên để tăng cơ hội tiếp xúc nghề nghiệp cho sinh viên từ đó định hướng tốt hơn cho công việc tương lai và bổ sung nguồn lực kỹ thuật cho các doanh nghiệp.	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Các trường đại học, cao đẳng	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	
140.	Triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy “Học từ làm việc thực tế”, đào tạo và đào tạo lại kỹ năng số cho người lao động, kết nối cung cầu thị trường lao động	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các trường đại học, cao đẳng	

TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
141.	Dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Sở Lao động, thương binh và xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các doanh nghiệp	
142.	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân đến tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số.	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	
143.	Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	
144.	Phát triển nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Sở Thông tin và Truyền thông, Tổ công nghệ số cộng đồng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
145.	Hiện đại hóa mạng lưới và dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát theo hướng bưu chính sẽ phát triển thành hạ tầng cho thương mại điện tử, logistics	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	
146.	Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và quản lý đô thị thông minh theo Quyết định số 950/QĐ-TTg, ngày 01/8/2018 của Thủ tướng về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, các lĩnh vực cần ưu tiên: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch; Công bố công khai quy hoạch; Ứng dụng GIS trong quản lý cấp nước, vệ sinh môi trường đô thị; Cấp phép xây dựng thông minh; ...	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	